



Original Article

# Comparative Study of the Provisions on Criminal Liability of Legal Entities in the Criminal Laws of Cambodia, Laos and Vietnam

Trinh Quoc Toan\*

*VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 12 May 2023

Revised 12 June 2023; Accepted 25 June 2023

**Abstract:** This article presents a comparative study on a number of issues concerning corporate criminal liability in the criminal laws of Cambodia, Laos, and Vietnam such as legal persons that are the subject of offences and the subject of criminal liability; the scope of corporate criminal offences; elements of corporate criminal law; models of corporate criminal liability; punishments. On the basis of comparative research, the article draws some conclusions and proposes several recommendations to improve the provisions on corporate criminal liability in the current Vietnamese criminal law.

**Keywords:** Corporate criminal liability, condition of application, punishment, Cambodia, Laos, Vietnam.

---

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [quoctoan@vnu.edu.vn](mailto:quoctoan@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4560>

# Nghiên cứu so sánh các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự của Campuchia, Lào và Việt Nam

Trịnh Quốc Toàn\*

*Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 5 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 6 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2023

**Tóm tắt:** Bài báo công bố kết quả nghiên cứu dưới góc độ so sánh một loạt các vấn đề về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự (LHS) Campuchia, Lào và Việt Nam, như: Pháp nhân là chủ thể của tội phạm và là chủ thể của trách nhiệm hình sự, phạm vi các loại tội phạm quy kết cho pháp nhân, các điều kiện về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân, các mô hình về trách nhiệm hình sự của pháp nhân, các loại hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu so sánh, bài báo rút ra những kết luận và đề xuất các kiến nghị tiếp tục hoàn thiện chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 của Việt Nam.

**Từ khóa:** Trách nhiệm hình sự pháp nhân, điều kiện áp dụng, hình phạt, Campuchia, Lào, Việt Nam.

## 1. Dẫn nhập

Nghiên cứu lịch sử phát triển của luật hình sự (LHS) các nước Đông Nam Á như Singapore [1], Malaysia [2] và LHS các nước Indonesia [3] Thái Lan [4], Philippines [5], cho thấy ngay nửa cuối thế kỷ XX các nước này đều đã thừa nhận nguyên tắc trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân, tổ chức bên cạnh nguyên tắc TNHS của cá nhân, tức là LHS các nước này đã chấp nhận pháp nhân là chủ thể của tội phạm và là chủ thể của TNHS. Trong khi đó, Campuchia trong thời kỳ bảo hộ của Pháp cho đến giai đoạn chuyển đổi với việc Hội đồng Quốc gia Tối cao (the Supreme National Council - SNC) thông qua Luật UNTAC năm 1992 (United Nations Transnational Authority of Cambodia) không áp dụng TNHS đối với pháp nhân [6]. Tương tự như vậy, LHS của Lào trong thời kỳ bảo hộ của Pháp và cho đến các lần ban hành BLHS năm 1990, 2005 cũng chỉ quy định TNHS đối với cá nhân,

không áp dụng TNHS với pháp nhân [7]. Còn Việt Nam, nhìn chung trong thời kỳ trước và sau Cách mạng Tháng tám năm 1945 và cho đến các lần pháp điển hóa với việc ban hành các BLHS năm 1985, 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cũng đều khước từ thiết lập chế định TNHS của pháp nhân trong LHS [8]. Các nhà lập pháp và thực tiễn của Campuchia, Lào và Việt Nam trước thế kỷ XXI luôn luôn chung thủy với nguyên tắc truyền thống là TNHS chỉ đặt ra đối với cá nhân, vì cho rằng tội phạm không chỉ là hành vi mang tính nguy hiểm cho xã hội mà còn phải gắn với lỗi của người thực hiện hành vi.

Bước sang thế kỷ XXI, vấn đề TNHS của pháp nhân được các nhà khoa học hình sự, các nhà lập pháp và thực tiễn ở Campuchia, Lào và Việt Nam dành sự quan tâm đặc biệt, trong bối cảnh các nước này đã bước vào thời kỳ mở cửa hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, xây dựng nền kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền, cải

\* Tác giả liên hệ.

*Địa chỉ email:* quoctoan@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4560>

cách tư pháp, trong đó có cải cách pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Thành quả của quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về TNHS của pháp nhân dẫn đến việc thiết lập dạng TNHS này trong LHS mỗi nước với tư cách là nguyên tắc chung của LHS.

Campuchia đã ban hành BLHS mới ngày 30/11/2009 và có hiệu lực thi hành ngày 21/12/2010 [9]. Điều 42 BLHS này quy định: “Trong trường hợp pháp luật và các công cụ pháp luật quy định rõ ràng, các pháp nhân, trừ Nhà nước, có thể bị tuyên bố phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội do cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện vì lợi ích của pháp nhân”. Bên cạnh đó, BLHS còn dành chương 7 Phần chung quy định hệ thống hình phạt và nguyên tắc áp dụng các quy định khác trong Phần chung BLHS đối với pháp nhân phạm tội.

Lào đã ban hành BLHS mới ngày 15/5/2017 và có hiệu lực thi hành ngày 17/10/2018 để thay thế BLHS năm 2005 [10]. Bên cạnh việc xác định cơ sở của TNHS đối với pháp nhân (Điều 4), nguyên tắc áp dụng các quy định trong Phần chung của BLHS (khoản 4 Điều 3), BLHS của Lào đã dành Chương 9 (từ Điều 88 đến Điều 96) quy định các điều kiện truy cứu TNHS đối với pháp nhân và các hình phạt áp dụng. Trong đó Điều 88 BLHS quy định rằng hành vi phạm tội được thực hiện bởi pháp nhân là hành vi phạm tội do nhân viên hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện. Điều 89 BLHS quy định pháp nhân phải chịu TNHS nếu: i) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân; ii) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân; hoặc hành vi phạm tội được thực hiện dưới sự giám sát, quản lý, quyết định của pháp nhân.

Còn Việt Nam cũng đã ban hành BLHS mới ngày 27/11/2015 (được sửa đổi, bổ sung ngày 20/6/2017) có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2018 [11]. Trong Phần chung BLHS này, bên cạnh một số điều luật riêng lẻ, nhà làm luật đã thiết kế Chương XI để quy định áp dụng riêng đối với pháp nhân thương mại (PNTM) phạm tội. BLHS năm 2015 của Việt Nam đã quy định tương đối toàn diện về cơ sở của TNHS, các điều kiện áp dụng TNHS đối với PNTM, hệ thống hình phạt,

biện pháp tư pháp, các căn cứ quyết định hình phạt đối với PNTM phạm tội, cũng như quy định nguyên tắc chung áp dụng các quy định khác trong Phần chung BLHS,...

Campuchia, Lào và Việt Nam đều thừa nhận TNHS của pháp nhân nhưng có sự nhận thức khác nhau về lý luận, khác nhau về chính sách hình sự, về thực tiễn điều kiện chính trị, kinh tế-xã hội, nên LHS của mỗi nước quy định TNHS của pháp nhân cũng có sự khác nhau liên quan đến cơ sở TNHS pháp nhân, phạm vi, điều kiện quy kết TNHS đối với pháp nhân, cũng như các hình thức thực hiện TNHS đối với pháp nhân.

Đối với Việt Nam, việc quy định TNHS của PNTM trong BLHS là phù hợp với chủ trương của Đảng Cộng sản về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước sau Hiến pháp năm 2013; phát huy vai trò của BLHS với tư cách là công cụ pháp lý sắc bén, hữu hiệu trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Tuy vậy, nhìn chung, TNHS của pháp nhân vẫn là nội dung mới, phức tạp và lần đầu tiên được thiết lập trong BLHS năm 2015, nên không tránh khỏi còn có những tồn tại, hạn chế nhất định về phương diện lập pháp, khó khăn trong thực tiễn áp dụng. Do đó, chúng ta vẫn cần phải tiếp tục nghiên cứu về lý luận và thực tiễn, tiếp thu bài học kinh nghiệm lập pháp quy định về TNHS của pháp nhân của các nước, nhất là các nước Đông Nam Á, trong đó có Campuchia và Lào để nhằm tiếp tục hoàn thiện và hài hòa hóa LHS Việt Nam với LHS các nước trong cộng đồng ASEAN và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

## **2. Phạm vi và điều kiện quy kết trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân**

### *2.1. Pháp nhân - Chủ thể của tội phạm và là chủ thể của trách nhiệm hình sự*

Nghiên cứu cho thấy, mặc dù nhà làm luật mỗi nước lựa chọn chính sách hình sự và kỹ thuật

lập pháp khác nhau, nhưng đều đi đến hướng thống nhất xác định pháp nhân là chủ thể của tội phạm và đồng thời là chủ thể của TNHS.

Điều 2 BLHS của Campuchia năm 2009 đã khẳng định không chỉ cá nhân mà pháp nhân đều có thể là chủ thể thực hiện hành vi gây rối xã hội là tội phạm. Tội phạm do pháp nhân thực hiện có thể là trọng tội, tội nhẹ hoặc tội phạm nhỏ.

BLHS năm 2017 của Lào cũng xác định rõ pháp nhân là chủ thể của tội phạm. Theo khoản 4 Điều 3 của BLHS, khái niệm “người nào” quy định trong các điều luật về tội phạm trong Phần các tội phạm BLHS năm 2017 (từ chương 1 đến chương 11 của Phần II BLHS) là người phạm tội, bao gồm cá nhân và pháp nhân. Hoặc Điều 4 BLHS quy định: “Một người hoặc pháp nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu bị xử lý hình sự khi người hoặc pháp nhân đó đã thực hiện hành vi được coi là nguy hiểm cho xã hội theo quy định của Bộ luật hình sự này và các luật khác có liên quan quy định tội phạm và hình phạt và khi quyết định cuối cùng được đưa ra bởi một Tòa án” [12].

Còn BLHS năm 2015 của Việt Nam quy định PNTM là chủ thể của tội phạm tại khoản 2 Điều 2 và khoản 1 Điều 8.

Câu hỏi đặt ra là loại pháp nhân nào là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS? Đây là vấn đề mà LHS mỗi nước có quy định cũng khác nhau.

Điều 42 BLHS năm 2009 của Campuchia quy định tất cả các pháp nhân, trừ Nhà nước, đều có thể là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS.

Như vậy, theo điều luật này thì ngoại trừ Nhà nước, tất cả các pháp nhân khác, dù là các pháp nhân theo luật tư hoặc luật công đều phải chịu TNHS khi thực hiện tội phạm cụ thể được điều luật về tội phạm trong LHS quy định.

Về các pháp nhân theo luật tư, Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2007 của Campuchia quy định pháp nhân được phân thành hai loại: Hiệp hội pháp nhân và tập đoàn pháp nhân. Những tổ chức được thành lập từ các thành viên có quyền và nghĩa vụ độc lập với nhau gọi là hiệp hội pháp nhân; Những tổ chức được thành lập từ những thành viên chỉ có quyền và nghĩa vụ độc lập với nhau về tài sản gọi là tập đoàn pháp nhân.

Hiệp hội pháp nhân lại được phân thành: Hiệp hội pháp nhân trách nhiệm hữu hạn và hiệp hội pháp nhân trách nhiệm vô hạn. Hiệp hội pháp nhân có trách nhiệm về khoản nợ của pháp nhân trong giới hạn mà thành viên góp vốn gọi là Hiệp hội pháp nhân trách nhiệm hữu hạn; còn Hiệp hội pháp nhân có thành viên chịu trách nhiệm về khoản nợ của pháp nhân nắm giữ tài sản thông thường gọi là Hiệp hội pháp nhân trách nhiệm vô hạn.

Bên cạnh đó, căn cứ vào mục đích có thể phân chia pháp nhân thành pháp nhân vì lợi nhuận và pháp nhân phi lợi nhuận. Trong số các pháp nhân phi lợi nhuận còn có pháp nhân có mục đích công ích gọi là pháp nhân công ích [13].

Đối với pháp nhân vì lợi nhuận có thể được thành lập theo những luật khác. Như theo Luật về Quy chế chung về doanh nghiệp công lập năm 1996 của Campuchia, thì các loại hình doanh nghiệp gồm có: i) Các tổ chức công lập có đặc điểm kinh tế là các pháp nhân công lập tự chủ về quản lý tài chính; ii) Công ty nhà nước là công ty có toàn bộ vốn của Nhà nước; công ty liên doanh mà Nhà nước nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp trên 51% vốn hoặc có quyền biểu quyết [14].

Còn Luật Doanh nghiệp năm 2005 [15] phân loại công ty thành công ty hợp danh và công ty hữu hạn.

Công ty hợp danh bao gồm: công ty hợp danh chung và công ty hợp danh hữu hạn; còn công ty hữu hạn lại phân thành công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân và công ty cổ phần hữu hạn.

Các loại pháp nhân theo BLDS và Luật doanh nghiệp nêu trên ở Campuchia đều có thể là chủ thể và phải chịu TNHS nếu thực hiện tội phạm theo BLHS quy định.

Còn đối với các pháp nhân theo luật công, chỉ trừ Nhà nước (hệ thống các cơ quan cấu thành bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương), đều có thể là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS nếu thỏa mãn các điều kiện LHS quy định, ví dụ như các đơn vị sự nghiệp công, các tổ chức chính trị-xã hội, các quỹ, các hội,... [16].

Theo BLHS năm 2017 của Lào, pháp nhân chịu TNHS khi thực hiện tội phạm theo quy định của LHS là các doanh nghiệp. Khoản 6 Điều 3 BLHS Lào quy định: “Pháp nhân là doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp, bao gồm hợp tác, hiệp hội, tổ chức trong và ngoài nước được thành lập hợp pháp với tư cách là pháp nhân”.

Điều 2 Luật Doanh nghiệp Lào (sửa đổi, bổ sung năm 2013) quy định: Doanh nghiệp là tổ chức kinh doanh của một cá nhân hay tổ chức có tên riêng, có vốn, tài sản, có hệ thống quản lý, có trụ sở, và được đăng ký phù hợp với luật này. Doanh nghiệp còn được gọi là đơn vị kinh doanh.

Theo Điều 10 của Luật Doanh nghiệp nêu trên, ở Lào có bốn loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp hợp danh, doanh nghiệp tập thể. Các hình thức doanh nghiệp gồm có: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty. Công ty cổ phần gồm có công ty cổ phần phổ thông và công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn; Công ty gồm có công ty trách nhiệm hữu hạn (kể cả công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), công ty hợp danh [17].

Ở Việt Nam, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 và khoản 1 Điều 8 thì pháp nhân là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS theo quy định của BLHS chỉ là PNTM.

Theo khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015, PNTM là chủ thể của tội phạm khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, có lỗi (cố ý hoặc vô ý) xâm phạm các quan hệ xã hội được LHS bảo vệ. TNHS chỉ đặt ra cho PNTM có tư cách pháp nhân khi thực hiện tội phạm được BLHS quy định và thỏa mãn các điều kiện tại Điều 75 BLHS, còn các pháp nhân phi thương mại không phải chịu TNHS.

Theo Điều 74 và 75 BLDS năm 2015, một tổ chức được công nhận là PNTM, ngoài bốn điều kiện: i) Được thành lập hợp pháp; ii) Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; iii) Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; iv) Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập; còn phải hội tụ

hai điều kiện sau mới được công nhận là PNTM, đó là: i) pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; ii) lợi nhuận được chia cho các thành viên.

PNTM bao gồm các doanh nghiệp, ví dụ như công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên, công ty cổ phần, tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác theo Luật Doanh nghiệp năm 2014. PNTM còn có các tổ chức kinh tế khác như: Hợp tác xã, Liên hợp hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012,... [18].

Kết quả nghiên cứu, phân tích nêu trên cho thấy, phạm vi pháp nhân là chủ thể của tội phạm và là chủ thể chịu TNHS được quy định trong LHS mỗi nước có sự khác nhau, trong đó phạm vi chủ thể phải chịu TNHS của pháp nhân theo LHS của Campuchia là rất rộng, bao gồm các pháp nhân được thành lập theo luật công hoặc luật tư, chỉ trừ Nhà nước. LHS Lào lại quy định hạn chế pháp nhân chịu TNHS chỉ là doanh nghiệp; còn Việt Nam lại quy định PNTM (doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế khác) mới là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS.

Các pháp nhân chịu dạng TNHS này phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, tức là nó phải đăng ký kinh doanh hợp pháp theo quy định của pháp luật mỗi nước.

Để truy cứu TNHS đối với một pháp nhân cần phải xác định năng lực pháp luật dân sự của nó, tức là khả năng của nó có các quyền và nghĩa vụ dân sự không. Năng lực pháp luật của pháp nhân thông thường phát sinh từ thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập; nếu pháp nhân phải đăng ký hoạt động thì năng lực pháp luật dân sự của nó phát sinh từ thời điểm ghi vào sổ đăng ký.

Như vậy, kể từ thời điểm pháp nhân hoặc tổ chức kinh tế khác được thành lập thì năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của nó đã được pháp luật công nhận, tức là có tư cách pháp nhân. Đồng thời, khi pháp nhân chấm dứt hoạt động thì năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của nó cũng chấm dứt, cũng là thời điểm nó không còn có tư cách pháp nhân.

## 2.2. Các điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân

Nghiên cứu cho thấy, BLHS của Campuchia, Lào và Việt Nam không chỉ quy định cụ thể các loại pháp nhân là chủ thể của tội phạm mà còn quy định phạm vi và điều kiện quy kết TNHS của pháp nhân.

Điều 42 của BLHS Campuchia quy định, để quy kết TNHS đối với pháp nhân đòi hỏi phải thỏa mãn hai điều kiện sau: Thứ nhất, tội phạm phải được thực hiện bởi cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân. Cơ quan của pháp nhân được hiểu là các cơ quan lãnh đạo của pháp nhân. Hệ thống cơ quan này được tổ chức theo các quy định của pháp luật hoặc theo nội quy, quy chế của pháp nhân và hoạt động trên danh nghĩa các thực thể này. Người đại diện của pháp nhân, trước hết là những người đại diện theo pháp luật của pháp nhân, thường đó là những người đứng đầu, lãnh đạo, quản lý trực tiếp của pháp nhân; Thứ hai, tội phạm do cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện nhân danh pháp nhân [19].

Trong khi đó, Điều 88 và 89 của BLHS Lào lại quy định các điều kiện quy kết TNHS đối với pháp nhân là: Thứ nhất, hành vi phạm tội do pháp nhân thực hiện là hành vi phạm tội do nhân viên hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện; Thứ hai, hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân; Thứ ba, hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân; hoặc hành vi phạm tội được thực hiện dưới sự giám sát, quản lý, quyết định của pháp nhân.

Còn theo Điều 75 BLHS Việt Nam, TNHS chỉ đặt ra đối với PNTM nếu thỏa mãn các điều kiện sau: Thứ nhất, hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM; Thứ hai, hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của PNTM; Thứ ba, hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM; Thứ tư, hành vi phạm tội chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 27 của BLHS.

## 2.3. Các loại tội phạm quy kết cho pháp nhân

Một câu hỏi được đặt ra là pháp nhân phải chịu TNHS về các loại tội phạm nào? Nghiên cứu LHS của mỗi nước cho thấy vấn đề này được quy định khác nhau.

Điều 42 BLHS của Campuchia quy định, pháp nhân chỉ phải chịu TNHS về các tội phạm được pháp luật hoặc các công cụ pháp lý khác quy định rõ ràng. Như vậy pháp nhân chỉ phải chịu TNHS đối với một số trọng tội, tội nhẹ được quy định rõ ràng trong BLHS cũng như trong các đạo luật chuyên ngành, thậm chí là đối với các tội phạm nhỏ được quy định trong các văn bản dưới luật<sup>1</sup>.

Nghiên cứu Phần các tội phạm BLHS năm 2009 của Campuchia cho thấy pháp nhân phải chịu TNHS đối với các tội phạm được quy định tại Quyển 2 như sau:

i) Các tội phạm diệt chủng (Điều 183, Điều 185), tội phạm chống loài người (Điều 188, Điều 190), tội phạm chiến tranh (các điều 193, 194, 196);

ii) Tội ngộ sát (Điều 207); Tội bán, cấp, cho thực phẩm, đồ uống độc hại (Điều 226); Tội đưa các chất độc hại vào nước uống được coi là hành vi bạo lực có chủ đích (Điều 227); Tội vô ý gây thương tích cho người khác (Điều 236);

iii) Các tội phân biệt đối xử như: Từ chối cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ (Điều 265); Tội từ chối thuê người (Điều 267); Tội chấm dứt việc làm trái pháp luật (Điều 269); Tội đặt ra những điều kiện làm việc không phù hợp với phẩm giá con người (Điều 274).

iv) Tội phạm liên quan hối lộ (Điều 279);

v) Các tội phạm liên quan đến mại dâm (các điều từ 284 đến 287 và các điều từ 291 đến 295)

vi) Các tội phạm liên quan đến mối quan hệ gia đình (các điều 330, 331);

vii) Tội rửa tiền (Điều 404);

viii) Các tội tham nhũng trong lĩnh vực tư pháp (các điều 518, 548, 556, 568, 606, 607, 638, 640).

<sup>1</sup> Article 18 of Criminal Code of Cambodia: Definition of Offences Committed by Legal Entity Defining an offence committed by a

legal entity as felony, misdemeanour or petty crime is determined by penalty imposed on natural person;

Còn ở Việt Nam, khoản 2 Điều 2 BLHS của Việt Nam quy định “chỉ PNTM nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự”.

Theo Điều 76 BLHS, PNTM chỉ phải chịu TNHS khi thực hiện một trong các tội phạm được quy định tại 33 điều luật sau:

i) Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196;

ii) Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm quy định tại các điều 200, 203, 209, 210, 211, 213, 216;

iii) Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế quy định tại các điều 217, 225, 226, 227, 232, 234;

iv) Các tội phạm về môi trường quy định tại các điều 235, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 245 và 246;

v) Các tội phạm xâm phạm trật tự công cộng quy định tại các điều 300, 324.

Trong khi Điều 42 BLHS của Campuchia và Điều 76 BLHS Việt Nam quy định pháp nhân chỉ phải chịu TNHS đối với một số tội phạm cụ thể nếu điều luật về tội phạm có quy định, thì khoản 4 Điều 3 và Điều 4 BLHS Lào lại quy định pháp nhân phải chịu TNHS về mọi tội phạm được quy định trong BLHS và các đạo luật chuyên ngành, dù đó là trọng tội, tội nhẹ hoặc tội nhỏ<sup>2</sup>.

### 3. Các mô hình trách nhiệm hình sự của pháp nhân và áp dụng trong luật hình sự Campuchia, Lào và Việt Nam

Trong lĩnh vực pháp luật dân sự hay hành chính ở các nước, một pháp nhân (legal entities) từ lâu đã được công nhận là một thực thể có nhân

cách khác biệt với các bên liên quan là các cá nhân của nó (tức là các cổ đông, nhân viên, nhà quản lý,...). Tuy nhiên, quan niệm về nhân cách của pháp nhân đã tạo ra những khó khăn về cách quy kết TNHS cho những pháp nhân với tư cách một thực thể giả tưởng. Việc áp dụng các khái niệm dựa trên con người, chẳng hạn như hành vi và lỗi, cho các pháp nhân luôn tỏ ra là có vấn đề. Luật tư đã phát triển hai cách tiếp cận khác nhau cho vấn đề này và mỗi cách tiếp cận đều dẫn đến các mô hình TNHS của pháp nhân.

#### 3.1. Cách tiếp cận thứ nhất theo lý thuyết hư cấu hay còn gọi là lý thuyết duy danh về nhân cách của pháp nhân.

Theo thuyết này, pháp nhân là một thực thể trừu tượng (hư cấu), tập hợp các cá nhân là thành viên, do đó, bất kỳ tham chiếu nào đến hành vi hoặc lỗi của pháp nhân đều được coi là ám chỉ đến hành vi hoặc lỗi của các thành viên của pháp nhân. Lý thuyết này cho rằng pháp nhân chỉ có thể hành động thông qua các đại diện là cá nhân các thành viên của nó, những người này là tay, chân và bộ não hoặc trung tâm thần kinh của pháp nhân. Từ quan điểm này, có ba mô hình chủ yếu về TNHS đối với pháp nhân được áp dụng ở đa số các nước thiết lập chế định này trong LHS, đó là: Mô hình trách nhiệm pháp lý gián tiếp (vicarious liability model), mô hình học thuyết nhận dạng hay còn gọi là mô hình đồng nhất hóa hoặc bản ngã thay thế (the identification or alter ego model) và mô hình tập hợp (the aggregation model).

\* Mô hình trách nhiệm hình sự gián tiếp hoặc thay thế

Theo mô hình này, một pháp nhân bị kết tội hình sự bằng cách gán việc thực hiện một hành vi bị pháp luật cấm (actus reus) và lỗi (mens rea) của một cá nhân cho pháp nhân đó. TNHS của

<sup>2</sup>Article 13 Categorization of Offences Offences are Categorized into Three Different Levels of Culpability: 1. Minor Offences, Which are Offences Punishable under the law by public criticism or fines; 2. Major offences, which are offences punishable under the law by re-education without deprivation of liberty or imprisonment from three

(3) months to ten (10) years and fines; 3. Crimes, which are offences punishable under the law by imprisonment from five (5) years up to life imprisonment with fines and/or the death penalty;

pháp nhân bắt nguồn từ hành vi và lỗi của nhân viên, lãnh đạo hoặc người quản lý của họ.

TNHS gián tiếp của pháp nhân về cơ bản là bắt nguồn từ luật dân sự, theo đó người đứng đầu đương nhiên phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với những hành vi sai trái do người lãnh đạo, quản lý hoặc nhân viên của mình thực hiện trong phạm vi quyền hạn hoặc công việc của họ.

Theo học thuyết này, ba yêu cầu phải được đưa ra để áp dụng TNHS đối với một pháp nhân. Thứ nhất, người lãnh đạo, quản lý hoặc nhân viên của pháp nhân cần phải thực hiện một hành động bất hợp pháp (actus reus) với trạng thái tinh thần cần thiết (mens rea). Trạng thái tinh thần có thể được hiển thị “trên cơ sở 'kiến thức tập thể' của các nhân viên với tư cách là một nhóm, mặc dù không một nhân viên nào có đủ thông tin để biết rằng tội phạm đã được thực hiện.

Thứ hai, họ phải hành động trong phạm vi công việc hoặc quyền hạn của cá nhân đó

Thứ ba, người lãnh đạo, nhân viên hoặc đại lý phải có ý định mang lại lợi ích cho pháp nhân. Theo tiêu chuẩn này, nhân viên không cần phải hành động với mục đích duy nhất là mang lại lợi ích cho pháp nhân và công ty không cần phải thực sự nhận được lợi ích đó [20].

#### \* Mô hình học thuyết đồng nhất hóa

Thời kỳ đầu lý thuyết này gọi là thuyết thay đổi bản ngã, theo đó, TNHS của một pháp nhân dựa trên trách nhiệm pháp lý của một cá nhân được coi là như là “linh hồn chỉ đạo” của nó. Năm 1971, lý thuyết này được đổi tên thành lý thuyết nhận dạng hay còn gọi là lý thuyết đồng nhất hóa. Mô hình trách nhiệm pháp lý nhận dạng có nguồn gốc từ một vụ án dân sự *Lennards Carrying Co Ltd v. Asiatic Petroleum Co.* ở Anh.

Học thuyết đồng nhất khẳng định rằng những người lãnh đạo, quản lý công việc của một pháp nhân được coi là hiện thân của chính pháp nhân đó. Mô hình này vượt xa cách tiếp cận của mô hình TNHS gián tiếp; nó thừa nhận rằng TNHS của pháp nhân chỉ có thể phát sinh từ một phạm vi nhân sự hẹp hơn so với mô hình TNHS gián tiếp. Mô hình đồng nhất hóa đánh đồng pháp nhân với một số nhân viên chủ chốt của pháp nhân hành động thay mặt pháp nhân. Nói cách

khác, những nhân viên hoặc cán bộ chủ chốt này được đồng nhất với pháp nhân và được coi là hoạt động với tư cách là pháp nhân. Hành vi và trạng thái tinh thần của họ được quy cho pháp nhân. Những nhân viên này được cho là đại diện cho “linh hồn chỉ đạo” của pháp nhân, dưới con mắt của pháp luật, ý chí của họ là ý chí của pháp nhân. Khi họ hành động nhân danh pháp nhân, những người như vậy được coi là “hiện thân của pháp nhân”. Bất cứ khi nào những người này hành động với tư cách là người lãnh đạo, điều hành, quản lý của pháp nhân sẽ được đồng nhất với hành vi và trạng thái tinh thần của pháp nhân [21].

Học thuyết về đồng nhất hóa đưa ra một mô hình tốt hơn so với học thuyết về TNHS gián tiếp vì nó giải quyết các vấn đề về TNHS một cách thích hợp hơn. Hơn nữa, nó tránh mở rộng phạm vi TNHS của pháp nhân, vì nó hạn chế phạm vi những người có thể khiến pháp nhân phải chịu TNHS. Thông qua nguyên tắc này, mặc dù một pháp nhân không thể hành động trừ khi thông qua hành động của con người, tuy nhiên, pháp nhân đó vẫn có thể bị quy kết TNHS về sự vô ý, cấu tạo của cá nhân, ngay cả trong những trường hợp mà người lãnh đạo, điều hành, quản lý của pháp nhân sẽ không phải chịu TNHS [22].

#### \* Mô hình trách nhiệm tổng hợp

Mô hình này được thể hiện ở chỗ, để quy kết TNHS đối với pháp nhân người ta cần phải tổng hợp hành vi, trạng thái tinh thần và khả năng phạm tội của các cá nhân đại diện cho pháp nhân để tổng hợp các yếu tố cấu thành tội phạm. Điều này là cần thiết, hữu ích, trong các trường hợp thiếu trách nhiệm, đặc biệt là khi không ai trong số các đại diện của pháp nhân được xác định là người phạm tội vì hành vi vi phạm của mỗi người là nhỏ, nhưng khi tổng hợp một loạt các sai sót, vi phạm của nhiều người đó có thể tạo nên một vi phạm nghiêm trọng cấu thành tội phạm cụ thể quy định trong LHS.

Mô hình tổng hợp có thể liên quan đến việc đối chiếu hành vi của một cá nhân với trạng thái tinh thần hoặc khả năng phạm tội của một cá nhân khác. Ngoài ra, khi một hành vi phạm tội đòi hỏi một mức độ hiểu biết hoặc sơ suất cụ thể, điều này có thể được tìm thấy trong một tập hợp



kiến thức hoặc sơ suất của một số cá nhân. Mô hình tổng hợp phản ánh nhiều hơn về bản chất tổ chức của các pháp nhân, hơn là bắt nguồn từ trách nhiệm pháp lý của một cá nhân. Điều này làm cho mô hình tập hợp về cơ bản là phái sinh trong cách tiếp cận. Mô hình tập hợp phát sinh từ một sự kết hợp của hai hoặc nhiều cá nhân trong pháp nhân. Một pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm ngay cả khi không có bằng chứng chứng minh nhân viên, người quản lý, người lãnh đạo của pháp nhân có dự định thực hiện hành vi phạm tội hoặc thậm chí biết về hoạt động dẫn đến việc phạm tội. Mô hình này được chấp nhận tại Hoa Kỳ và Úc [23].

### 3.2. Cách tiếp cận thứ hai, đó là lý thuyết thực tế về nhân cách pháp nhân

Theo lý thuyết này, pháp nhân được công nhận sở hữu một nhân cách riêng với những quyền hạn riêng biệt của mình, cũng tương tự như cá nhân con người theo quy định của pháp luật. Không giống như lý thuyết hư cấu/duy danh, lý thuyết thực tế khẳng định rằng các pháp nhân có thể tự mình thực hiện hành vi vi phạm và có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó, hoàn toàn khác với hành vi và lỗi của cá nhân thành viên của pháp nhân; trách nhiệm của pháp nhân là chính hoặc trực tiếp và không phụ thuộc vào trách nhiệm của bất kỳ cá nhân thành viên nào của pháp nhân. TNHS, theo quan điểm này, không phải là phái sinh mà là trực tiếp. Lý thuyết thực tế về nhân cách pháp nhân đã tạo ra một số mô hình TNHS của pháp nhân dựa trên trách nhiệm trực tiếp của các pháp nhân, trong đó có mô hình văn hóa doanh nghiệp/lỗi doanh nghiệp.

Văn hóa pháp nhân (hay còn gọi là văn hóa doanh nghiệp) là toàn bộ các giá trị cốt lõi, là nền tảng, chuẩn mực cho toàn bộ hành vi ứng xử ở nơi làm việc trong pháp nhân được xây dựng trong tiến trình tồn tại và phát triển của pháp nhân, nó chi phối hành vi của mỗi thành viên trong đó, tạo nên sự khác biệt giữa các pháp nhân và được coi là truyền thông riêng của mỗi pháp nhân, nó bao gồm các quy trình tổ chức, chính

sách, quy tắc, cấu trúc, mục tiêu, văn hóa, quá trình ứng xử và thứ bậc của một pháp nhân.

Học thuyết văn hóa pháp nhân trong lĩnh vực hình sự dựa trên khái niệm lỗi của pháp nhân; nó cố gắng xác định TNHS của pháp nhân trong hành vi của chính pháp nhân. Mô hình “văn hóa pháp nhân” thừa nhận rằng các pháp nhân sở hữu kiến thức tập thể và có khả năng phạm tội với tư cách là một tập thể. Pháp nhân chịu TNHS không phải do hành động hay ý định của các cá nhân là thành viên của pháp nhân mà do sự thể hiện ý chí tập thể của pháp nhân. Nơi rõ ràng nhất để tìm thấy những ý định như vậy là trong các chính sách và thủ tục của pháp nhân. Bất kỳ chính sách nào được đưa ra đều có thể đại diện cho tổng hợp các ý kiến, quan điểm hoặc sự dung hòa các ý kiến, quan điểm trong pháp nhân. Trong trường hợp thái độ tâm lý của pháp nhân được đánh đồng với các chính sách của pháp nhân, thì có nghĩa các chính sách đó là sự thể hiện ý trí của pháp nhân. Nếu thông qua hoạt động thực hiện chính sách đó, một hành vi phạm tội xảy ra, thì về lý thuyết pháp nhân sẽ phải chịu TNHS.

Đề quy kết TNHS đối với pháp nhân dựa trên học thuyết văn hóa pháp nhân đòi hỏi phải kiểm tra toàn bộ các khâu tạo nên giá trị của pháp nhân. Sau đó, học thuyết sẽ kết hợp các biến số này để xác định liệu cấu trúc tổ chức, chính sách, quá trình ứng xử,... của pháp nhân có lỗi trong việc chỉ đạo, khuyến khích, dung túng hoặc dẫn đến việc không tuân thủ các điều khoản hình sự có liên quan hay không. Ở đây, về bản chất, lỗi cần thiết được tìm thấy trong văn hóa pháp nhân hơn là ở cá nhân thành viên cụ thể của pháp nhân. Như vậy, mô hình lỗi của pháp nhân có thể được áp dụng trong nhiều trường hợp khác nhau và có thể áp dụng cho mọi loại tội phạm được quy định trong LHS.

Quy kết TNHS đối với pháp nhân dựa trên học thuyết văn hóa pháp nhân/doanh nghiệp được Úc đưa vào BLHS năm 1995 [24] và một số nước khác. Ở Anh cũng đã tiếp cận học thuyết này trong việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân phạm tội ngộ sát hoặc giết người [25].

### 3.3. Áp dụng mô hình trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự Campuchia, Lào và Việt Nam

Nghiên cứu cho thấy nhà làm luật của ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam đều lựa chọn cách thức quy kết TNHS đối với pháp nhân dựa trên hành vi của cá nhân thành viên của pháp nhân, tức là LHS của ba nước quy định là pháp nhân thực hiện tội phạm và chịu TNHS thông qua hành vi của cá nhân cụ thể, đó có thể là người lãnh đạo, điều hành, quản lý của pháp nhân hoặc thậm chí là nhân viên cụ thể của pháp nhân.

Với quy định tại Điều 42 BLHS Campuchia, pháp nhân, trừ nhà nước, có thể bị tuyên là phải chịu TNHS về hành vi phạm tội do cơ quan hoặc đại diện của pháp nhân thực hiện vì lợi ích của pháp nhân đó. Điều luật này đã được nhà làm luật Campuchia tiếp thu kinh nghiệm của Pháp và được gọi là dạng TNHS gián tiếp [26]. Còn BLHS của Lào và Việt Nam quy định rộng hơn so với Điều 42 BLHS Campuchia. Cụ thể là theo Điều 88 và 89 BLHS Lào, hành vi phạm tội do pháp nhân thực hiện là hành vi phạm tội do nhân viên hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện nhân danh pháp nhân và vì lợi ích của pháp nhân; hoặc dưới sự giám sát, quản lý, quyết định của pháp nhân. Còn theo Điều 75 BLHS Việt Nam, pháp nhân chịu TNHS về hành vi phạm tội của bất cứ ai (nhân viên, người lãnh đạo, quản lý, điều hành, ... của pháp nhân) được thực hiện nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân và dưới sự lãnh đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân.

Như vậy, dù có quy định khác nhau nhưng xét cho cùng các nhà làm luật của ba nước khi quy định TNHS của pháp nhân đã nghiêng về học thuyết đồng nhất hoá sự mong muốn tập thể với ý muốn cá nhân. Xuất phát từ sự tương tự hình thức giữa pháp nhân và cá nhân, nhà làm luật đã quy kết sự biểu lộ các quyết định của tập thể vào sự tồn tại một ý chí thống nhất trong cá nhân của người đại diện, người lãnh đạo của pháp nhân.

Pháp nhân tham gia vào quan hệ pháp luật là chủ thể bình đẳng, độc lập với các chủ thể khác, cho nên nó phải có tư cách pháp nhân, tức là có

năng pháp luật và năng lực hành vi. Mọi hoạt động của pháp nhân được tiến hành thông qua hành vi của tập thể lãnh đạo hoặc cá nhân người lãnh đạo, điều hành hoặc thành viên khác của pháp nhân. Khi những người này thực hiện chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân thì hành vi và ý chí của họ được đồng nhất hoá với pháp nhân, được coi như là hành vi và ý chí của pháp nhân.

Việc truy cứu TNHS của pháp nhân đặt ra vấn đề cần giải quyết về mặt pháp lý là nếu pháp nhân phạm tội thì người đại diện của pháp nhân hoặc thành viên khác của pháp nhân đó có bị truy cứu TNHS hay không về cùng loại tội phạm?

Về vấn đề này, BLHS của ba nước đều có quy định là việc pháp nhân chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân phạm cùng tội (Điều 42 BLHS Campuchia, Điều 89 BLHS Lào; Điều 75 BLHS Việt Nam). Điều này được hiểu nếu cá nhân là người đại diện của pháp nhân hoặc những thành viên khác của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội thỏa mãn các điều kiện TNHS thì về nguyên tắc, cá nhân và pháp nhân đó chịu TNHS đồng thời về hành vi phạm tội đó. Quy định này phù hợp với nguyên tắc công bằng, nguyên tắc đã phạm tội không tránh khỏi trách nhiệm, ngăn ngừa trường hợp cá nhân núp dưới danh nghĩa pháp nhân để phạm tội nhằm lẩn tránh TNHS.

Tuy nhiên, ở đây không nên suy luận rằng, cá nhân người đại diện hoặc thành viên khác của pháp nhân nhất thiết phải bị truy cứu TNHS và bị kết án mới dẫn đến pháp nhân phải chịu TNHS và ngược lại. Các quy định nêu trên trong BLHS các nước không quy định trách nhiệm kép đối với cá nhân và pháp nhân, nhưng nó đã chọn một nguyên tắc kết hợp có thể có của hai loại trách nhiệm.

## 4. Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội

Kết quả nghiên cứu LHS của Campuchia, Lào và Việt Nam cho thấy các nước đều quy định một hệ thống hình phạt đối với pháp nhân phạm tội song song với hệ thống hình phạt đối với người phạm tội. Hệ thống hình phạt đó đều phân thành hai phần: Hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

#### 4.1. Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội theo luật hình sự của Campuchia

Theo Điều 167 BLHS, hình phạt chính được áp dụng đối với pháp nhân phạm tội là hình phạt tiền. Mức phạt tiền được quy định cụ thể đối với mỗi loại tội phạm do pháp nhân thực hiện, ví dụ: Điều 238 BLHS quy định pháp nhân có thể bị tuyên chịu TNHS theo các điều kiện của Điều 42 (Trách nhiệm hình sự của pháp nhân) đối với hành vi phạm tội quy định tại Điều 236 (Hành vi vô ý gây thương tích).

Pháp nhân bị phạt tiền từ 5 triệu Riel đến 20 triệu Riel.

Còn các hình phạt bổ sung đối với pháp nhân phạm tội được quy định tại Điều 168 BLHS. Tòa án có thể áp dụng kèm theo hình phạt tiền một hoặc nhiều hình phạt bổ sung đối với pháp nhân phạm tội, nếu điều luật về tội phạm trong Phần các tội phạm BLHS hay trong các công cụ pháp lý khác (các luật chuyên ngành hoặc văn bản dưới luật) có quy định cụ thể. Nội dung và điều kiện áp dụng từng hình phạt bổ sung được BLHS quy định từ Điều 167 đến Điều 181. Các hình phạt bổ sung cụ thể gồm có:

- 1) Giải thể pháp nhân;
- 2) Đặt dưới sự giám sát tư pháp;
- 3) Cấm thực hiện một hoặc nhiều hoạt động có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời với thời hạn không quá 05 năm;
- 4) Bị loại khỏi các cuộc đấu thầu công khai có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời với thời hạn không quá 05 năm;
- 5) Cấm chào bán công khai chứng khoán có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời với thời hạn không quá 05 năm;
- 6) Cấm phát hành séc không phải là séc được ngân hàng xác nhận có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời với thời hạn không quá 05 năm;
- 7) Cấm sử dụng thẻ thanh toán có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời với thời hạn không quá 05 năm;
- 8) Đóng cửa cơ sở được sử dụng để lập kế hoạch hoặc để thực hiện hành vi phạm tội có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời với thời hạn không quá 05 năm;

9) Cấm vận hành một cơ sở mở cửa cho công chúng sử dụng có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời với thời hạn không quá 05 năm;

10) Tịch thu bất kỳ dụng cụ, phương tiện hoặc vật phẩm nào đã được sử dụng hoặc dự định được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội;

11) Tịch thu các vật phẩm hoặc ngân quỹ là đối tượng của hành vi phạm tội;

12) Tịch thu số tiền thu được hoặc tài sản phát sinh từ hành vi phạm tội;

13) Tịch thu đồ dùng, vật liệu và đồ đạc trong cơ sở mà hành vi phạm tội đã được thực hiện;

14) Công bố quyết định Tòa án tuyên trên các phương tiện truyền thông in ấn hoặc truyền đạt quyết định cho công chúng bằng phương tiện nghe nhìn.

#### 4.2. Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội theo luật hình sự của Lào

Điều 90 BLHS quy định hình phạt đối với pháp nhân phạm tội như sau:

Hình phạt chính đối với pháp nhân phạm tội là phạt tiền. Hình phạt tiền áp dụng đối với pháp nhân phạm tội sẽ gấp đôi hình phạt tiền áp dụng đối với cá nhân người phạm tội. Ví dụ, Điều 276 về tội sản xuất, vận chuyển, nhập khẩu, mua bán hoặc trao đổi hàng cấm quy định người phạm tội bị phạt tiền từ 5 triệu kip đến 15 triệu kip, còn nếu là pháp nhân phạm tội này sẽ bị phạt tiền từ 10 triệu kip đến 30 triệu kip.

Ngoài hình phạt tiền, Tòa án có thể quyết định áp dụng các hình phạt sau đối với pháp nhân phạm tội như:

- 1) Giải thể pháp nhân (Điều 91);
- 2) Cấm pháp nhân kinh doanh trong một số lĩnh vực liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân từ 01 năm đến 05 năm (Điều 92);
- 3) Cấm pháp nhân huy động vốn không quá 05 năm (Điều 93);
- 4) Cấm pháp nhân sử dụng séc hoặc thẻ tín dụng trong thời hạn tối đa là 05 năm (Điều 94);
- 5) Tịch thu đồ vật pháp nhân sử dụng vào việc phạm tội (Điều 95).

#### 4.3. Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội theo luật hình sự của Việt Nam

BLHS năm 2015 của Việt Nam quy định hệ thống hình phạt áp dụng đối với PNTM phạm tội bên cạnh hệ thống hình phạt đối với người phạm tội. Nội dung và điều kiện áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với PNTM phạm tội được quy định từ Điều 77 đến Điều 81.

\* Các hình phạt chính đối với pháp nhân phạm tội gồm có:

1) Phạt tiền với mức không thấp hơn 50 triệu đồng (Điều 77);

2) Đình chỉ hoạt động có thời hạn của PNTM trong một hoặc một số lĩnh vực mà PNTM phạm tội gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế. Thời hạn đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm (Điều 78);

3) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn của PNTM trong một hoặc một số lĩnh vực mà PNTM phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra. PNTM được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động (Điều 79);

\* Các hình phạt bổ sung đối với PNTM gồm có:

1) Phạt tiền là hình phạt bổ sung với mức không thấp hơn 50 triệu đồng (Điều 77);

2) Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để PNTM bị kết án tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó, thì có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội. Thời hạn cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Điều 80).

3) Cấm huy động vốn được áp dụng khi xét thấy nếu để PNTM bị kết án huy động vốn thì có nguy cơ tiếp tục phạm tội.

Các hình thức cấm huy động vốn bao gồm:

i) Cấm vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh

ngân hàng nước ngoài hoặc quỹ đầu tư; ii) Cấm phát hành, chào bán chứng khoán; iii) Cấm huy động vốn khách hàng; iv) Cấm liên doanh, liên kết trong và ngoài nước; v) Cấm hình thành quỹ tín thác bất động sản.

Thời hạn cấm huy động vốn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Điều 81).

#### 5. Nhận xét, đánh giá chung

Nghiên cứu toàn diện các quy định về TNHS của pháp nhân trong LHS Campuchia, Lào và Việt Nam có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá như sau:

*Thứ nhất*, cũng như Việt Nam, LHS Lào và Campuchia trong một thời gian dài không thừa nhận TNHS đối với pháp nhân. Nhưng kể từ khi tiếp thu bài học kinh nghiệm lập pháp của nước ngoài và căn cứ vào thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm mà các nước này đã đổi mới LHS với việc thiết lập chế định TNHS của pháp nhân.

*Thứ hai*, về phạm vi pháp nhân là chủ thể của tội phạm và là chủ thể chịu TNHS, trong khi LHS Campuchia quy định rất rộng, bao gồm các pháp nhân theo luật tư và các pháp nhân theo luật công, ngoại trừ Nhà nước, thì LHS Lào chỉ quy định các doanh nghiệp, còn Việt Nam cũng chỉ quy định các PNTM.

*Thứ ba*, về phạm vi các loại tội phạm quy kết cho pháp nhân, LHS mỗi nước có quy định khác nhau. Trong khi LHS của Việt Nam và Campuchia quy định các pháp nhân chỉ phải chịu TNHS hạn chế trong phạm vi một số loại tội phạm cụ thể, thì LHS của Lào quy định pháp nhân phải chịu TNHS về mọi tội phạm được LHS quy định.

*Thứ tư*, về điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân, LHS mỗi nước quy định điều kiện TNHS của pháp nhân khác nhau. LHS Campuchia quy định tội phạm phải được thực hiện bởi cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân và vì lợi ích của pháp nhân. LHS Lào quy định hành vi phạm tội do nhân viên hoặc người đại diện của pháp

nhân thực hiện nhân danh pháp nhân, và vì lợi ích của pháp nhân; hoặc tội phạm được thực hiện dưới sự giám sát, quản lý, quyết định của pháp nhân. Còn LHS Việt Nam quy định tương tự, đó là TNHS chỉ đặt ra đối với PNTM nếu hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM, vì lợi ích của PNTM, có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM.

*Thứ năm*, để quy kết tội phạm và TNHS cho pháp nhân, Campuchia, Lào và Việt Nam dựa trên hành vi của cá nhân thành viên của pháp nhân. LHS các nước này đã lựa chọn cách thức quy kết TNHS cho pháp nhân dựa trên học thuyết đồng nhất hoá. Mọi hoạt động của pháp nhân được thực hiện thông qua hành vi của cơ quan hoặc cá nhân người lãnh đạo, điều hành hoặc thành viên khác của pháp nhân. Khi những người này thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao thì hành vi và ý chí của họ được đồng nhất hoá với pháp nhân. Trong trường hợp họ thực hiện hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân thì hành vi phạm tội đó được quy kết cho pháp nhân.

*Thứ sáu*, LHS Việt Nam và các nước đều quy định TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân về cùng loại tội phạm đã thực hiện.

*Thứ bảy*, nhìn chung, LHS Campuchia, Lào và Việt Nam đều quy định đa dạng các loại hình phạt đối với pháp nhân phạm tội. Trong số các hình phạt được quy định, hình phạt tiền là hình phạt phổ biến áp dụng đối với mọi tội phạm quy kết cho pháp nhân. Mức hình phạt tiền đối với pháp nhân phạm tội được quy định cao hơn rất nhiều so với mức phạt tiền đối với cá nhân phạm cùng loại tội. Bên cạnh nhiều loại hình phạt khác, LHS của Lào và Campuchia còn quy định hình phạt giải thể áp dụng đối với các pháp nhân được thành lập hợp pháp hoặc chuyển đổi mục tiêu để thực hiện các hành vi phạm tội.

## **6. Đề xuất một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự năm 2015**

Lần đầu tiên trong lịch sử phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam, BLHS năm 2015 đã thiết

lập tương đối toàn diện về chế định TNHS của pháp nhân. Đây là “nội dung thay đổi quan trọng trong CSHS, khẳng định quan điểm của Nhà nước ta trong việc xử lý nghiêm minh các pháp nhân vi phạm pháp luật, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Quy định này không chỉ bảo đảm sự thống nhất chung của hệ thống pháp luật mà còn nhằm thực thi các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, bảo đảm công bằng giữa pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài và pháp nhân nước ngoài tại Việt Nam” [27].

Kết quả nghiên cứu so sánh chế định TNHS của pháp nhân trong LHS của Campuchia, Lào và Việt Nam cho thấy BLHS năm 2015 vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của Chiến lược cải cách tư pháp cũng như Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 của Chính phủ [28].

*Thứ nhất*, BLHS năm 2015 của Việt Nam chỉ quy định PNTM là chủ thể của tội phạm và chịu TNHS về các tội được quy định tại 33 điều luật thuộc Phần các tội phạm là chưa thỏa đáng và chưa phù hợp với thực tiễn cũng như xu hướng vận động của loại tội phạm do pháp nhân thực hiện.

Để đảm bảo việc xử lý về hình sự đối với pháp nhân triệt để, công bằng và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay và xu hướng tương lai cần thiết quy định TNHS đối với cả các pháp nhân phi thương mại, trừ các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 cần quy định mở rộng TNHS của pháp nhân đối với một số loại tội phạm khác, ngoài các tội phạm được quy định tại Điều 76 trong Phần các tội phạm BLHS. Pháp nhân phải chịu TNHS đối với tội phạm nào, BLHS chỉ nên quy định cụ thể trong các điều luật về tội phạm thuộc Phần các tội phạm cụ thể, không cần có quy định chung chung như tại Điều 76.

*Thứ hai*, khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 quy định các điều kiện để quy kết tội phạm và

TNHS đối với pháp nhân, đó là: Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM, vì lợi ích của PNTM, có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM và hành vi phạm tội chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Quy định các điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân như trên vừa thừa lại vừa thiếu. Điều luật này cần quy định cụ thể cá nhân nào của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội có thể quy kết cho pháp nhân; đồng thời chuyển điều kiện về thời hiệu truy cứu TNHS về Điều 27 BLHS.

Khoản 1 Điều 75 BLHS về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân nên quy định như sau: Các pháp nhân, ngoại trừ các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do nhân viên hoặc người đại diện của pháp nhân, nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân thực hiện và hành vi phạm tội đó được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân.

Điều 27 về Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ sửa đổi như sau:

1) Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội hoặc pháp nhân phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2) Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:

.....

3) Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội hoặc pháp nhân phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 01 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.

Bên cạnh đó, nên loại bỏ khoản 2 của Điều 2 BLHS, đồng thời điều này được sửa đổi là: Chỉ người hoặc pháp nhân nào thực hiện hành vi phạm tội được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Penal Code 1871 - Singapore Statutes Online (agc.gov.sg); D. N. Anh, Criminal liability of Legal Entities Singapore Regulations and Experience for Vietnam, <https://phaply.net.vn/trach-nhiem-hinh-su-cua-phap> (accessed on: September 1<sup>st</sup>, 2019).
- [2] Malaysia - Penal Code (Act 574). (ilo.org).
- [3] A. Muflihun, A. P. Muzakir, Y. P. Saputra, W. Septiawan, Legal Politics Of Corporate Responsibility In Indonesia's Criminal Law, UNRAM Law Review, Vol. 3, 2019, pp 100-107.
- [4] L. Schuldt, P. Nidhi-u-tai, Commentary The Supreme Court Jurisprudence on Corporate Criminal Liability 2010 - 2020, Thai Legal Studies Vol. 1, 2021, pp. 173 - 181.
- [5] A. Manolito C. Labador, Corporate Crime and the Criminal Liability of Corporate Entities- No. 76\_09PA\_Labador.pdf (unafei.or.jp).
- [6] Introduction to Cambodian Law, Hor Peng, Kong Phallack, Jörg Menzel, (eds.), pp. 197. [https://www.kas.de/c/document\\_library/get\\_file?uid=06c676e4-ba12-d4c5-0a9e-5de4070272e9&groupId=252038](https://www.kas.de/c/document_library/get_file?uid=06c676e4-ba12-d4c5-0a9e-5de4070272e9&groupId=252038). (accessed on: September 15<sup>th</sup>, 2019).
- [7] Lao People's Democratic Republic - Penal Law No. 12, 2005, (ilo.org).
- [8] T. Q. Toan, The Issue of Criminal Liability of Legal Entity in the Context of Developing Market Economy in Vietnam Today, VNU Journal of Science: Legal Studies, Vol. 29, No. 1, 2013, pp. 60 - 73.
- [9] Criminal Code of the Kingdom of Cambodia (unodc.org).
- [10] [https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.detail%3Fp\\_lang%3Den%26p\\_isn%3D107516%20](https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.detail%3Fp_lang%3Den%26p_isn%3D107516%20); (accessed on: January 15<sup>th</sup>, 2023).
- [11] Criminal\_Code\_of\_Vietnam- <https://www.studocu.com/vn/document/international> (accessed on: January 15<sup>th</sup>, 2023).
- [12] [https://laoofficialgazette.gov.la/kcfinder/upload/files/1Oct2020\\_Lao%20Penal%20Code\\_English%20Version.pdf](https://laoofficialgazette.gov.la/kcfinder/upload/files/1Oct2020_Lao%20Penal%20Code_English%20Version.pdf) (accessed on: January 15<sup>th</sup>, 2023).
- [13] See Chapter 2 of the Cambodian Civil Code 2007- Civil Code of Cambodia. (ilo.org).
- [14] See Law on the General Status of Public Enterprise (1996)- [http://www.bigpond.com.kh/Council\\_of\\_Jurists/Entntrpubl/epl004g.htm](http://www.bigpond.com.kh/Council_of_Jurists/Entntrpubl/epl004g.htm); (accessed on: January 15<sup>th</sup>, 2023).

- [15] Law on Commercial Enterprises of the Kingdom of Cambodia- 88376-Law-on-Commercial-Enterprises-2005 (ardb.com.kh).
- [16] See MEAS Bora, Discussion Paper No.14 The Criminal Liability of Legal Persons: Reflections for Cambodia, Center for Asian Legal Exchange (CALE) Nagoya University, Japan.
- [17] Law Library: Enterprise Law Amendment of Lao PDR 2013, Laos - Vietnam Magazine (tapchilaoviet.org).
- [18] Vietnam Civil Code 2015, <https://vietanlaw.com/the-law-no-91-2015-qh13>. (accessed on: January 15<sup>th</sup>, 2023).
- [19] Article 107 of the Civil Code of Cambodia: Representation of the Juristic Person- <https://www.ilo.org>; (accessed on: September 1<sup>st</sup>, 2019).
- [20] Article 18 of Criminal Code of Cambodia: Definition of Offences Committed by Legal Entity Defining an Offence Committed by a Legal Entity as Felony, Misdemeanour or Petty Crime is Determined by Penalty Imposed on Natural Person.
- [21] Ministry of Justice, Law Commission Reforming the law, Corporate Criminal Liability A discussion paper, 9 June 2021- Corporate-Criminal-Liability-Discussion-Paper.pdf.
- [22] R. Grondin, Revue Générale de Droit La Responsabilité Pénale des Personnes Morales et la Théorie des Organisations Vol. 25, No. 3, 1994.
- [23] E. Lederman, Models for Imposing Corporate Criminal Liability: From Adaptation and Imitation Toward Aggregation and the Search for Self-Identity, Buffalo Criminal Law Review, Vol.4, No. 1 Vol. 4, No. 1, 2000, pp. 641-708.
- [24] Part 2.5 of Australian Penal Code 1995- Criminal Code Act 1995 (legislation.gov.au).
- [25] Haigh, Benjamin, Edward An analysis of the Corporate Manslaughter and Corporate Homicide Act (2007): A Badly Flawed Reform? Durham theses, Durham University. Available at Durham E-Theses Online, 2012, <http://etheses.dur.ac.uk/3518>. (accessed on: January 15<sup>th</sup>, 2023).
- [26] L'article 121-2, Alinéa 1er, du Code Pénal Dispose que : "Les personnes morales, à l'exclusion de l'Etat, sont responsables pénalement, selon les distinctions des articles 121-4 à 121-7, des infractions commises, pour leur compte, par leurs organes ou représentants"- [https://codes.droit.org/PDF/Code pénal.pdf](https://codes.droit.org/PDF/Code_pénal.pdf), (accessed on: January 15<sup>th</sup>, 2023).
- [27] National Assembly Standing Committee, Report Explaining the Reception and Revision of the Draft Penal Code (Amended), Documents of the 10th Session of the XIII National Assembly, October 2015.
- [28] Decision No. 623/QĐ-TTg, dated April 14, 2016 of the Prime Minister Approving the National Strategy for Crime Prevention and Control for the Period 2016 - 2025 and Orientation to 2030.